

Số: 235/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Tuyên Quang, ngày 27 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 2002;

Địa chỉ: **Tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.**

- Bị đơn: Anh **Lê Tất T1**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: **Tổ dân phố C, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Thu T** và anh **Lê Tất T1** (Trích lục kết hôn số 31/2024/TLKH-BS ngày 05/4/2024 và Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06/01/2022 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung **Lê Nguyễn Việt K**, sinh ngày 22/11/2021 cho anh **Lê Tất T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **Nguyễn Thị Thu T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi con chung **Lê Nguyễn Việt K** đủ 18

tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Chị Nguyễn Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Tất T1 đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Tất T1 đều xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000102, ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Tất T1 không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường An Tường, TP Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP Tuyên Quang.

Phạm Ngọc Hà

